

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/DS-ST.

Ngày: 29 - 8 - 2023.

V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Đông

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 406/2023/QĐST-DS ngày 09/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số 266, đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Minh N; chức vụ: Chuyên viên (Giấy ủy quyền ngày 19/4/2023).

Địa chỉ chi nhánh: Số 35, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, anh Nhựt có mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Tú T, sinh năm 1972, nơi cư trú: Số nhà 115, đường C, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2023 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 09/11/2020 bà Đặng Thị Tú T có ký hợp đồng mở Thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S số tiền 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng đến tháng 11/2025.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng bà T vi phạm là thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng theo hợp đồng đã ký kết, tính đến ngày 29/8/2023 bà T còn nợ ngân hàng tổng số tiền 66.427.828 đồng. Trong đó, nợ gốc là 44.501.920 đồng, nợ lãi quá hạn là 21.925.908 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà T trả tổng các khoản nợ là 66.427.828 đồng như đã nêu trên và tiếp tục tính lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong phần nợ gốc.

Bị đơn, bà Đặng Thị Tú T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị Tú T trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng mở Thẻ tín dụng đã ký. Bà T có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thành phố V; căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì ngân hàng thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện bà Đặng Thị Tú T có mở Thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S số tiền 50.000.000 đồng là sự thật, (Hợp đồng mở Thẻ tín dụng số: 1607146 ngày 06/11/2020), khi thực hiện hợp đồng bà T thực hiện không đúng, tính đến ngày 29/8/2023 là 66.427.828 đồng. Trong đó, nợ gốc là 44.501.920 đồng, nợ lãi quá hạn là 21.925.908 đồng, nên ngân hàng kiện yêu cầu bà T trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Ngân hàng còn yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 30/8/2023 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định, nên được chấp nhận.

[3] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền bị đơn phải nộp là 3.321.000 đồng (66.427.828 đồng x 5% = 3.321.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Đặng Thị Tú T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc 44.501.920 đồng (*bốn mươi bốn triệu năm trăm lẻ một ngàn chín trăm hai mươi đồng*).

- Tiền nợ lãi quá hạn là 21.925.908 (*hai mươi một triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm lẻ tám đồng*).

Tổng cộng bằng 66.427.828 đồng (*sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn tám trăm hai mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 30/8/2023 bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo Hợp đồng mở Thẻ tín dụng số: 1607146 ngày 06/11/2020.

Trường hợp, các hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S, thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí:

- Buộc bà Đặng Thị Tú T phải nộp 3.321.000 đồng (*ba triệu ba trăm hai mươi một ngàn đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 1.470.000 đồng (*Một triệu bốn trăm bảy chục ngàn đồng*) mà ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0002094 ngày 22/5/2023 được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- CC THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng